

Số: 105/2019/DS-PT

Ngày: 08/5/2019

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Lan

Bà Nguyễn Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Mai Thanh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS -ST, ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam; Địa chỉ: Tháp BID số 35 phố HV, phường LTT, quận HK, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - chức vụ: Tổng giám đốc;

Những người đại diện theo ủy quyền: bà Trương Thị Khánh L, chức vụ: Phó Giám đốc BID chi nhánh TA; ông Nguyễn Xuân L, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Khách hàng 2; ông Đỗ Thanh T, cán bộ Phòng Khách hàng 2 (theo Quyết định ủy quyền số 564/QĐ-BID.TA ngày 13/6/2018. Bà L, ông L có mặt, ông T vắng tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982, bà Đinh Thị H, sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú: Thôn TN, xã NT, huyện NT, Nam Định;

Đăng ký tạm trú: Số 146, Tổ dân phố số 3, ĐS, phường KH, quận HĐ, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: số 29 hẻm 477/15/29 phố KM, phường NK, quận BĐ, thành phố Hà Nội (ông L có mặt, bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP ĐT và PT (BID) trình bày:

Ngày 01/10/2015, Ngân hàng TMCP ĐT và PT (gọi tắt là BID) và ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Đinh Thị H (gọi tắt là bị đơn) ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD. Ông L bà H vay số tiền là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng; thời hạn vay 180 tháng, kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn: ưu đãi 12 tháng đầu: 7.2%/năm, sau thời hạn ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kế hoạch trả nợ: Gốc được trả trong 180 kỳ, 179 kỳ đầu mỗi kỳ trả 13.900.000 đồng, kỳ cuối trả 11.900.000 đồng, lãi trả theo dư nợ thực tế. Tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2017, sau nhiều lần đôn đốc, bị đơn mới chỉ trả được tổng nợ gốc là 30.800.000đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 25.574.940 đồng. Hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 31/10/2018 bị đơn còn nợ tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 757.644.510 đồng.

- Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng NK, phường NK, quận BĐ, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 3 năm 2002.

Nay Ngân hàng BID đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H trả khoản nợ tạm tính đến ngày 31/10/2018 tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi là 757.644.510 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2005.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng BID đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H cùng xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BID. Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516 ngày 01/10/2015 để vay số tiền là 2.500.000.000đồng, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn: ưu đãi 12 tháng đầu: 7.2%/năm, sau thời hạn ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kế hoạch trả nợ gốc được trả trong 180 kỳ, 179 kỳ đầu mỗi kỳ trả 13.900.000 đồng, kỳ cuối trả 11.900.000 đồng, lãi trả theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông L bà H đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng NK, phường NK, quận BD, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002 đứng tên bà Cung Mỹ H và chồng là ông Phạm Quang S, ngày 29/8/2015 sang tên cho ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Đinh Thị H. Tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2017, bị đơn mới trả được tổng nợ gốc là 30.800.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 25.574.940 đồng. Tính đến ngày 31/10/2018 bị đơn xác nhận còn nợ tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000đồng, nợ trong hạn và lãi quá hạn là 757.644.510 đồng.

Do hiện tại tình hình kinh tế gia đình có nhiều khó khăn, nguồn thu nhập giảm, bị đơn chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Bị đơn đề nghị Ngân hàng BID tạo điều kiện cho bị đơn được trả nợ gốc trong thời gian 12 tháng để bán nhà và xin được miễn toàn bộ khoản tiền lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân quận BD, Hà Nội đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam*;

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H phải trả *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam* số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2018 theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2015 cụ thể: **3.226.844.510** (Ba tỷ, hai trăm hai sáu triệu, tám trăm bốn bốn nghìn, năm trăm mười) đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 (Hai tỷ, bốn trăm sáu chín triệu, hai trăm nghìn) đồng, nợ lãi là 757.644.510 (Bảy trăm năm bảy triệu, sáu trăm bốn bốn nghìn, năm trăm mười) đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế

thanh toán hết nợ cho BID theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H không trả được nợ thì *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam* có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử hữu nhà và quyền sử dụng đất số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002 mang tên bà Cung Mỹ H và chồng là ông Phạm Quang S, ngày 29/8/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh khu vực BĐ, HK, ĐĐ đã đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Đinh Thị H. Việc thế chấp tài sản đảm bảo được thực hiện bằng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/3897516/HĐBĐ ngày 01/10/2015 tại địa chỉ Thửa đất số 64; tờ bản đồ số 7G - III - 1, số 169, tổ 49 làng NK, phường NK, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Số công chứng: 2347/2015/HĐTC, quyền số: 24/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 ký tại Phòng Công chứng HK, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày **03/12/2018**, bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; mong muốn được giải quyết việc vay nợ trên tinh thần hợp tác, công bằng, không bị chèn ép; tổ chức hoà giải lại giữa các bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện
Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và xem xét nội dung đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Tại phiên toà phúc thẩm, chị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn , Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Xét Hợp đồng tín dụng:

Ngày 01/10/2015, ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Đinh Thị H (bị đơn) ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD với *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (BID)* để vay số tiền 2.500.000.000đồng, hai bên thoả thuận thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn: ưu đãi 12 tháng đầu là 7.2%/năm, sau thời hạn ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng BID đã giải ngân cho bị đơn số tiền 2.500.000.000đồng vào ngày 05/10/2015. Tính đến ngày 16/8/2017 bị đơn mới trả được tổng số tiền nợ gốc là 30.800.000đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 25.574.940 đồng. Hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/10/2018 tổng số tiền là 3.226.844.510đồng, trong đó nợ gốc là 2.469.200.000đồng, nợ lãi là 757.644.510đồng.

Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi đến ngày 31/10/2018 do Ngân hàng BID cung cấp thì lãi suất được tính và điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật. Tại phiên toà bị đơn cũng xác nhận Ngân hàng tính lãi là đúng quy định, chỉ đề nghị xem xét và tạo điều kiện cho bị đơn được trả nợ gốc và miễn toàn bộ phần lãi cho bị đơn.

Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2015 được ký giữa Ngân hàng BID với bị đơn là ông Lưu bà H có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký kết hợp đồng trước

mặt Công chứng viên nên hợp đồng được xác định là hợp pháp và có hiệu lực, quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng BID đã khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi như đề nghị là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

2.2 Xét Hợp đồng thế chấp tài sản

Để đảm bảo cho khoản vay đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngày 01/10/2015, bị đơn ông L bà H đã ký Hợp đồng thế chấp số 01/2015/3897516/HĐBĐ ngày 01/10/2015 toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 64; tờ bản đồ số 7G - III - 1, tại địa chỉ số 169, Tổ 49 làng NK, phường NK, quận BD, thành phố Hà Nội. Số công chứng: 2347/2015/HĐTC, quyền số: 24/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 ký tại Phòng Công chứng HK, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002 mang tên bà Cung Mỹ H và chồng là ông Phạm Quang S. Ngày 29/8/2015 đăng ký sang tên cho ông L bà H, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất ngày 02/10/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội - Chi nhánh quận BD, HK, DD.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể đều có năng lực hành vi dân sự; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, vì vậy Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên được xác định là hợp pháp có hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết. Do vậy trường hợp ông L bà H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng BID có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại phiên toà bị đơn đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để trả nợ số tiền gốc trong thời hạn từ 6 đến 12 tháng và xin được miễn toàn bộ lãi, tuy nhiên phía nguyên đơn Ngân hàng BID không đồng ý với đề nghị của bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông L và bà H.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476, của Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2018/DS -ST, ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân quận BD, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam đối với ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H;

2. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H phải trả Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (BID) số tiền **3.226.844.510đồng** (Ba tỷ, hai trăm hai sáu triệu, tám trăm bốn bốn nghìn, năm trăm mười đồng), trong đó nợ gốc là 2.469.200.000đồng (Hai tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, hai trăm nghìn đồng), nợ lãi và tiền lãi tính đến ngày 31/10/2018 là 757.644.510đồng (Bảy trăm năm bảy triệu, sáu trăm bốn bốn nghìn, năm trăm mười đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 64 tờ bản đồ số 7G - III - 1 tại địa chỉ số 169, Tổ 49 làng NK, phường NK, quận BD, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002

do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002 mang tên bà Cung Mỹ H và chồng là ông Phạm Quang S, ngày 29/8/2015 đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Đinh Thị H. Việc thế chấp tài sản đảm bảo được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/3897516/HĐBĐ ngày 01/10/2015 Số công chứng: 2347/2015/HĐTC, quyền số: 24/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 ký tại Phòng Công chứng HK, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

4. Về án phí : Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H phải chịu 96.536.890 (Chín sáu triệu, năm trăm ba sáu nghìn, tám trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm; mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông L bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005075 và 0005076 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BD. Số tiền án phí ông L bà H còn phải nộp là 96.536.890 đồng.

Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (BID) số tiền 44.740.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 8404 ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BD, phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận BD;
- Chi cục THADS quận BD;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam